

# NỘI LÒNG

## CỤ PETRUS KÝ

### HAI BẦU

#### Tâm thơ để lại

Cụ Petrus Trương Vĩnh Ký sinh năm 1837, mất năm 1898. Trong 61 năm của đời mình Cụ đã để lại cho hậu thế một gương sáng hiếm có. Suốt trăm năm qua, cho tới ngày nay, không thời nào không có người viết về cụ; số sách báo và các bài diễn văn bằng tiếng Pháp và tiếng Việt có thể nói là đếm không xuể. Hầu hết là vinh danh và ca tụng. Dĩ nhiên cũng không khỏi có chỉ trích nhưng số này rất ít. Gần đây nhất, vào năm 1999, trong Đặc San Hội Ai Hữu Petrus Ký Úc Châu, anh Trần Ngọc Thạch đã gọi cụ là nhà Ngôn ngữ học lừng danh, nhà Thông ngôn với sứ mạng cao cả, nhà Ngoại giao tài đức, nhà Văn hóa xuất chúng, nhà Ái quốc khả kính ...

Khi cụ mất vào ngày 1/9/1898 thì “*Ngay bây giờ đã có người bàn lập hội đồng dựng tượng kỷ niệm ông*” (1) và 29 năm sau, ngày 24/12/1927 tượng của cụ đã được long trọng khánh thành tại vườn Norodom (sau nhà thờ Đức Bà, Saigon). Rồi 10 năm sau nữa, nhân kỷ niệm một trăm năm ngày sanh, 6/12/1937, một tượng bán thân của Cụ đã được dựng tại trường Trung học *Lycée Petrus Ký*.

Đó là khi cụ qua đời. Còn lúc sanh

tiên cụ là người hăng hái, tích cực làm việc. Ngoài việc học tập chuyên cần để có kiến thức uyên bác khó người sánh kịp, nói và viết thông thạo 27 thứ tiếng, làm thông dịch, dạy học, làm báo, cụ còn là một trong số ít người viết sách mạnh nhất trong lịch sử văn học nước ta. Cho tới ngày hôm nay, dù cố gắng, người ta vẫn chưa sưu tầm đầy đủ các tác phẩm của cụ. Ngoài 56 cuốn sách in typo, 64 cuốn in thạch bản, còn vô số các bản thảo khác chưa được in ra. Học giả Nguyễn Văn Tố của Trường Viễn Đông Bác Cổ có nhận xét: “*Khi lướt qua danh mục những tác phẩm của Perus Ký, những tác phẩm này khiến người ta phải ngạc nhiên và gần như khiếp đảm bởi số lượng và tính đa dạng của nó*” (2)

Mặt khác, năm 1863, khi mới 26 tuổi, Cụ được Soái Phủ Sài Gòn cử làm thông ngôn trong sứ bộ Phan Thanh Giản qua Pháp triều kiến Nã Phá Luân Đế III. Tại điện Tuileries, sau khi thông dịch bài diễn văn của Phan sứ giả, Ông đã làm Pháp Hoàng và triều thần ngạc nhiên và khâm phục. Vì lần đầu tiên họ gặp gỡ một thanh niên Việt Nam tao nhã, khoan thay, nói tiếng Pháp văn hoa và chính xác. Ông trở thành nổi tiếng nên sau đó được mời viếng thăm các

nước Ý Đại Lợi, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và được giới thượng lưu ân cần tiếp đón. Nhân dịp này Cụ còn được bệ kiến Đức Giáo Hoàng.

*Năm Ất Hợi 1876 Cụ làm một chuyến du khảo Bắc Kỳ đã được giới quan lại và sĩ phu Bắc Hà đón tiếp nồng nhiệt.*

Năm 1886 Cụ theo Toàn quyền Trung Bắc Kỳ Paul Bert đến Huế và được sung chức Cơ Mật Viện Tham tá, rồi sau đó theo ý nguyện, được chuyển làm Hàn Lâm viện thị giảng học sĩ, dạy ngoại ngữ cho vua Đồng Khánh. Cụ giữ chức này chỉ có sáu tháng nhưng cũng chinh phục được sự mến mộ của vì vua trẻ và khi từ chức về Nam, cụ được nhà vua ngự tứ' cho một bài thơ bằng chữ Hán và chín báu vật.

Một cuộc đời ngoại hạng như vậy, một người ham sống như vậy, hoạt động sôi nổi, thành công vang dội, được đương thời và hậu thế hâm mộ, mà trước lúc xuôi tay nhắm mắt Cụ để lại một *bài thơ* (3) chứa đựng nhiều cay đắng:

*"Quanh quanh quẩn quẩn lối đường  
quai*

*Xô đẩy người vô giữa cuộc đời*

### Học thức gọi tên con một sách

*Công danh rút cuộc cái quan tài*

*Dạo hồn lữ kiến men chum bước*

*Bò xối, con sùng chắc lưỡi hoài!*

*Cuồn sỏ bình sinh công với tội*

*Tim nơi thẳm phán để thừa khai"*

Đời là hư ảo đã đành, nhưng sao lại quanh quanh quẩn quẩn bế tắc, ai đã xô người vô giữa cuộc đời và làm sao Cụ lại cảm thấy mình vướng vào một hàm oan, muốn giải bày?

### ***Bối cảnh đặc biệt của nước nhà.***

Gia Long thông nhứt sơn hà nhưng xã hội VN không hết nghèo đói và loạn lạc. Vua và triều thần sùng bái tư tưởng Tống

Nho khô cứng, đối xử hà khắc với kẻ thù và người dân, ăn xài phung phí, chỉ biết ngâm hoa vịnh nguyệt mà coi nhẹ việc phú quốc cường binh là vấn đề sinh tử của nước nhà trong khi thế giới đang đổi thay."Đời Minh Mạng (1821-1840) có gần 200 vụ nổi loạn lớn nhỏ, đời Thiệu Trị (1841-1847), chỉ bảy năm ngắn ngủi, có hơn 50 vụ, đời Tự Đức (1848-1884) có trên 100 vụ nông dân nổi loạn, 100 vụ cướp nhà Thanh tràn qua và 60 vụ cướp biển."(4)

Lúc ấy bên Âu châu chủ nghĩa thực dân đang bành trướng mạnh. Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hòa Lan, Anh, Pháp ... kể cả anh Mỹ sinh sau đẻ muộn cũng hùng hổ túa ra tìm thuộc địa khắp thế giới. Lần lần họ chiếm hết Mỹ châu La Tinh, Phi Châu, Á Châu...Anh khổng lồ Trung Quốc lớn quá thì họ chia nhau xâu xé. Chỉ có người Nhật Bản và Thái Lan nhìn xa trông rộng, áp dụng chính sách uyển chuyển, chịu lép, chịu nhục tạm thời, nên tránh được móng vuốt của họ.

Chỗ nào họ cũng đòi tự do truyền đạo, tự do buôn bán và nhượng đất để làm đầu cầu bành trướng. Không thuận thì họ đem binh bắn phá, chiếm đoạt. Nhà cầm quyền nước ta thay vì cố gắng tìm ra phương sách hữu hiệu để đối phó lại mù quáng áp dụng chính sách dễ nhứt là bế quan tỏa cảng và cấm đạo, giết đạo.

Từ thời Minh Mạng đã có chỉ dụ cấm đạo, sang thời Tự Đức việc cấm đạo lại càng ác liệt hơn. Vừa lên ngôi vua ra Dụ (1848) định rằng "giáo sĩ ngoại quốc vào truyền đạo sẽ bị tử hình, đạo trưởng người Nam không bỏ đạo thì bị khắc vào má hai chữ "tả đạo" rồi đày đi các vùng nước độc, thường dân vì ngu tối hoặc bị mua chuộc bằng tiền bạc thì các quan phải dạy dỗ và đừng có giết hại..."(5) Năm Tự Đức thứ tư (1851) lại có thêm một chỉ dụ xiết chặt thêm việc cấm đạo. Năm 1859, sau khi Liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh vào Đà Nẵng và Gia Định thì nhà vua liên tiếp ra ba chỉ dụ vào tháng 5, tháng 10 và tháng 12 qui định việc quản lý giáo dân cùng các hình thức trừng

phạt thật nặng nề.

Ngày 1-9-1858 Pháp liên kết với Tây Ban Nha đem 15 chiến thuyền và 3,000 quân đến đánh chiếm Đà Nẵng. Tướng Rigault de Genouilly tổng chỉ huy quân Pháp muốn tiến quân thẳng lên đánh chiếm kinh đô Huế nhưng quân Việt kháng cự mạnh mẽ. Sau 5 tháng dằng dai, trông chờ giáo dân nổi loạn như lời Giám Mục Pellerin mà không thấy, y để lại một phần ba quân số dưới quyền chỉ huy của Đại tá Toyon phòng thủ Đà Nẵng, rồi kéo 2,000 quân và hạm đội vào đánh Saigon.

Ngày 18/2/1859, quân Pháp pháo kích ào ạt vào thành Saigon nhưng chưa chiếm được. *“Nhưng ngày hôm sau nhờ sự do thám của Jauréguiberry và sự chỉ dẫn của Thừa sai Lefèbvre quân Pháp nắm vững được tình thế của thành Gia định”* (6). Rạng sáng ngày 19/2/1859 y dồn lực lượng tổng tấn công và 6 giờ giao tranh ác liệt quân Pháp đã chiếm được thành. Thiệt hại bên ta thật nặng nề. Sau đó quân Pháp cố thủ trong đồn, bố trí lại việc phòng thủ và thỉnh thoảng tung quân đánh phá các đồn lân cận để mở rộng khu vực chiếm đóng. Tôn Thất Cáp tổng chỉ huy quân Việt, tập hợp tàn binh, lấy thêm tiếp viện, bao vây chung quanh.

Ngày 20-4-1859 Rigault de Genouilly giao thành Saigon cho Đại tá Jauréguiberry, còn y đem quân chủ lực trở ra Đà Nẵng tính chuyện đánh vào Huế. Tại đây hai bên đánh nhau dằng dai, rồi nghị hòa cũng không xong. Rigault về Pháp nghỉ bệnh và Thiếu tướng Page sang thay ngày 19-10-1859. Hòa và chiến vẫn dằng dằng.

Tháng 6 năm 1860 triều đình cử Nguyễn Tri Phương vào Gia định thay Tôn Thất Cáp làm Tổng thống quân vụ, chỉ huy 12,000 quân chống với 800 quân Pháp trong thành. Tướng Charner thay tướng Page kéo quân sang tham chiến ở Trung Quốc, thắng trận, trở lại Saigon quyết tâm mở rộng khu vực chiếm đóng.

Ngày 14-2-1861 Pháp tiến đánh đồn

chánh Kỳ Hòa và chiếm được, hai bên thiệt hại nặng. Nguyễn Tri Phương cũng bị thương rút chạy.

Sau đó Pháp lần lượt chiếm Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long...

Ngày 5-6-1862 hai bên ký hòa ước nhường cho Pháp 3 tỉnh miền Đông.

Ngày 4-7-1863 sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp xin chuộc lại ba tỉnh vừa mất, Cù Petrus Ký được cử theo làm thông ngôn.

Ngày 20-6-1867 Pháp chiếm Vĩnh Long, và các tỉnh miền Tây, đại thần Phan Thanh Giản tuấn tiết.

Sau đó Pháp chiếm Bắc kỳ rồi lần lần đặt nền đô hộ lên toàn cõi Việt Nam. Các tướng tài giỏi, dũng cảm như của ta như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu.... đều hi sinh, còn quân sĩ và thường dân thiệt mạng có lẽ nhiều lắm.

### **Số phận và lựa chọn.**

Theo bản tiểu sử thì cụ Petrus Ký sinh ngày 6-2-1837 tại Cái Mơn, tỉnh Vĩnh Long. 5 tuổi cụ theo học chữ Nho, năm 9 tuổi mồ côi cha. Thấy Cụ thông minh, một linh mục tên là Long đem về chủng viện Cái Mơn cho học chữ Nho và chữ La tinh, 11 tuổi Cụ qua học ở Pinhalu (Cao Miên). Năm 14 tuổi (1851) cụ sang học ở chủng viện Pinang, Tân gia Ba. Năm 1858, nghe tin thân mẫu qua đời cụ trở về Cái Mơn thò tang. Nhờ thông minh, hiếu học, ham nghiên cứu và có khiếu đặc biệt về ngôn ngữ, ở vào thời điểm này cụ là một thanh niên 21 tuổi có biệt tài về văn chương, khoa học, triết lý và thông thạo rất nhiều ngôn ngữ.

Như trên đã viết, lúc này lệnh cấm đạo của triều đình rất khắc nghiệt. Cụ là một tín đồ Thiên Chúa giáo, 12 năm tu học trong các chủng viện, có thể trở thành Linh mục, vậy cụ đang là đối tượng truy nã của

chánh quyền. Cái Mơn là một làng nhỏ, có lẽ cụ về chịu tang phải lén lút, và khi xong lễ cũng phải lén lút đi ngay đến tá túc một nơi an toàn.

Nơi đó là Saigon, một thành phố đông người có họ đạo do Giám mục Lefebvre cai quản, việc lén trốn có lẽ dễ hơn. Nhưng không bao lâu thì Saigon đã trở thành chiến trường khốc liệt. Ngày 12-9-1959 quân Pháp chiếm được thành, Giám mục Lefebvre có công trong việc cung cấp tin tức tình báo. Lúc này tình thế đang dang dai. Ngoài thành 12,000 quân Việt của Tôn thất Cáp bủa vây, trong thành 800 quân Pháp của Đại tá Jauréguiberry cố thủ. Tình trạng chiến tranh này kéo dài tới hai năm, cho tới ngày 14-2-1961 Charner mới chiếm được đồn Kỳ Hòa tạo nên lợi thế lâu dài cho người Pháp.

Chính trong lúc binh lửa ngập trời đó, chàng thanh niên Petrus Ký ra nhận cái "job" đầu đời: ngày 20-12-1960 Giám mục Lefebvre giới thiệu cụ cho Jauréguiberry và cụ nhận làm thông ngôn cho viên Đại tá này. Hại thay, cái chỗ làm đó lại thuộc về bên đối địch với triều đình Việt Nam và có lẽ chính vì cái mốc điểm này mà năm 1975 khi người cộng sản chiếm được Saigon, họ liền hạ tượng cụ.

Trong Việt Sử Tân Biên sử gia Phạm văn Sơn có viết: "Lúc này lương của Pháp cấp cho Trương là 20 đồng bạc tuy chẳng hậu hĩ lắm nhưng Trương không mong gì hơn là được dịp đứng bên cạnh kẻ địch để giúp đỡ cho đồng bào phần nào. Triều đình Huế lúc này đối với người Pháp cũng hay dùng thủ đoạn, chính lược ngoại giao thường không có gì nhất định như ta đã thấy. Người Pháp thì tính tình bồng bột và nhiều khi cũng rất xảo quyệt. Vai tuồng của họ Trương vì vậy rất khó và thế cờ của Việt Nam mỗi ngày một bí, Trương lại không phải là người được đánh cờ. Pháp thì có chủ định thôn tính đất Việt, làm thế nào cho họ triệt bỏ bớt tham vọng thực dân đế quốc trong khi thực lực của ta mỗi ngày một suy bại? Vấn đề này thực

thiên nan vạn nan." (trang 258).

Nhận xét trên đây của Phạm văn Sơn rất đúng nhưng có lẽ chỉ đúng sau khi Cụ ra làm việc được vài ba năm, ít nhất là sau chuyến đi Pháp cùng với sứ bộ Phan Thanh Giản. Một thanh niên 23 tuổi mới ra đời thật sự không có nhiều lựa chọn, ngày trước cũng như hiện nay. Hàng triệu thanh niên VN hai phía Quốc gia và Cộng sản trong cuộc chiến 1960-1975 có được sự lựa chọn nào đâu cũng phải lao thân làm mồi cho lửa đạn.

Nhưng mỗi người có số phận riêng của mình. Cụ Petrus Ký cũng không tránh khỏi định luật này. Sinh ra là người thông minh ham học đã là cái số, chín tuổi mồ côi cha và được vào học trong chủng viện cũng không phải do cụ chọn lựa. Mười hai năm trong Chủng viện, việc đầu tiên là cụ phải học tính vâng phục và có đầy đủ đức tin vào Thiên Chúa. Hàng ngày ngoài việc học kiến văn cụ phải chuyên cần học tín lý. Chủng viện cung cấp cho Cụ mọi điều cần thiết cho bản thân. Chủng viện là mái ấm gia đình, là nơi ấp ủ tình cảm, là nơi mở mang kiến thức, cũng là nơi hướng dẫn lý tưởng của cụ. Dĩ nhiên cụ phải vâng phục những bề trên, tức là những Thừa sai lúc đó đang là đối tượng truy nã của triều đình.

Số phận cũng dung rủi cụ về chịu tang mẹ rồi lên tá túc với Lefebvre đúng vào lúc Pháp đánh thành Saigon. Vị Giám mục này tiếp tay đắc lực cho việc chiếm thành và khi Pháp chiếm được thành thì Ông phải chung sức cố thủ. Giới thiệu chàng thanh niên Petrus Ký ra làm việc chỉ là một cách bày tỏ sự hết lòng với chủ soái Jauréguiberry. (Lúc đó và mấy chục năm sau, người Pháp rất cần thôn ngôn để làm dễ dàng cho sự chiếm đóng của họ). Cụ Petrus Ký đâu có sự lựa chọn nào hơn là phải vâng lời vị Giám mục bảo trợ mình.

Giả định rằng, Petrus Ký là bậc thiên tài, "thông minh vốn sẵn tính trời", còn trẻ nhưng biết suy tính sự đời như một người trưởng thành, có sự đắn đo lựa chọn, thì cụ

phải làm gì?

-Không vâng lời vì không muốn tiếp tay cho giặc, trốn đi tìm một công việc gì đó để nuôi thân,(như một kẻ trốn quân địch sau này), nhưng vẫn ở trong vùng Pháp kiểm soát? Chắc gì Lefèbvre dung tha cho Cụ. Công đào tạo và đặt nhiều hi vọng đầu phải bỗng chốc mà bỏ đi.

-Bỏ về Cái Mơn dạy học? Không được, vì lúc đó người có đạo Thiên Chúa là tội phạm, chỉ được tha nếu chịu bước lên cây thánh giá chà đạp tín ngưỡng của mình. một việc mà cụ không thể làm được (Dưới thời nhà Nguyễn có hàng trăm người thà tử đạo chứ không chịu làm như vậy)

-Am tường Nho học, trung thần bất sự nhị quân, hay theo truyền thống chống xâm lăng của dân tộc, đáp lời hiệu triệu của triều đình, tham gia đoàn quân nghĩa đồng chống Tây, thì cụ làm được gì? Cầm một cây giáo đứng gác đường hay làm chức tham mưu? Ai mà tin Cụ, một người trưởng thành trong chủng viện. Không sớm thì muộn Cụ cũng bị vu cáo về tội gián điệp rồi giết đi

Không có con đường nào khác, số phận đã an bày và Cụ phải theo. (Sau năm 1945 trong cuộc kháng chiến chống Pháp, những trí thức tiểu tư sản như Phạm Duy, Doãn Quốc Sĩ...cũng lâm vào hoàn cảnh nghiệt ngã này. Chỉ khác một chút là Việt Minh để cho họ hồ hởi phấn khởi được ít năm mới thay đổi chánh sách, thanh lọc giai cấp và họ dinh tề. -Xin đọc Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử của Nguyễn Mạnh Côn)

\*

Nhưng một thiên tài phải khác người thường. Sau vài năm làm việc, am tường tình thế nước nhà, hiểu rõ dã tâm của người Pháp, như là sau một chuyến Âu du có dịp quan sát xứ người, tài năng được khẳng định, thêm tự tin, thêm uy tín, cụ định hình được một hướng đi.

Lúc đó mọi việc như đã an bài, không

thể đảo ngược. Hòa ước năm Nhâm Tuất 1862 giúp cho hai bên Pháp và Triều đình Huế tỏ ra thân thiện, dù chỉ là bề ngoài. Việc cấm đạo bị bãi bỏ, dù trên hình thức. Phía Pháp càng lúc càng mạnh và phía Việt càng ngày càng suy yếu, họ bình định xong thuộc địa Nam Kỳ và đặt được nền bảo hộ lên hai miền Trung Bắc.

Trước nạn quốc phá gia vong, Nam Kỳ có nhiều bậc tài cao dũng mãnh và hành sử theo những phương châm khác nhau.

Có người cực đoan dùng võ lực chống Pháp như Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, Thiên hộ Dương... trong các phong trào Cần vương cứu quốc, Dân chúng tự vệ, Bình Tây sát Tả v.v..đối chọi với những người cực đoan không kém là theo Tây, chém giết, ám hại đồng bào để vinh thân, phì gia như Tổng Đốc Lộc, Tổng Đốc Phương, Lê Phát Đạt v.v..

Có người ôn hòa hơn, chỉ dùng ngòi bút để biểu lộ lòng yêu nước của mình như Phan văn Trị, Đồ Chiểu v.v..hoặc dùng văn thơ để bày tỏ nỗi lòng hay biện giải cho sự hợp tác với người Pháp như Tôn Thọ Tường. Còn Nguyễn Trường Tộ dâng lên vua 14 bản điều trần thống thiết, kêu gọi canh tân nước nhà.

Xin trích dẫn vài câu thơ tiêu biểu sau đây để hiểu rõ tâm cảm và khuynh hướng của tiền nhân chúng ta trong khúc quanh lịch sử này :

-Phan Thanh Giản:

*“Từ ngày đi sứ đến Tây kinh,  
Thấy việc Âu châu phải giạt mình  
Kêu rú đồng bang mau thức dậy  
Hết lời năng nỉ chẳng ai tin”*

-Nguyễn Đình Chiểu(1822-1888):

*“Bến Nghé của tiền tan bọt nước  
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu  
mây.”*

*Sự đời muốn khuất đôi tròng mắt,*

*Lòng đạo xin tròn một tấm gương*

-Tôn Thọ Tường: (1825-1877)

*“Lia Ngô bịn rịn chòm mây bạc,*

*Về Hán trau tria mảnh má hồng”*

*“Ai về nhắn với Châu Công Cảnh*

*Thà mất lòng anh, đừng bụng chồng*

*“Miệng cọt hàm rồng chưa dễ chọc*

*Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay”*

-Phan văn Trị

*“Tám lòng địch khái thề sông núi*

*Tấc dạ Cần vương hẹn đá vàng”*

*“Anh hỡi, Tôn Quyền anh có biết*

*Trai ngay thờ Chúa, gái thờ chồng*

*“Hai vai tơ tóc bền trời đất*

*Một gánh cương thường nặng núi  
sông”.....*

Trong khi người ta sống chết với nhau bằng gươm súng, trong khi người ta dùng tài văn chương để tranh đoạt cái lý của mình, hoặc là dùng sự thông thái để kêu gào canh tân đất nước thì Cụ âm thầm làm việc. Từ một số phần trở trêu, Cụ xoay chuyển thành một lựa chọn xuất sắc. Cụ không tranh luận, không bài bác ai, không kêu gào hay “bày tỏ nỗi lòng” và không bao giờ xúc phạm nghĩa quân đang hi sinh chống Pháp. Cụ đề ra một hướng đi riêng biệt, vừa thực tế vừa ích lợi cho giống nòi, và chính Cụ đứng ra thực hiện những dự án của mình.

Cụ có biệt tài về ngôn ngữ, văn chương, khoa học, triết học thì dùng cái sở trường đó để thực hiện cái chí của mình. Vào lúc đó, sở dĩ chúng ta thua là vì Pháp quá văn minh hùng mạnh, còn ta thì quá lạc hậu, yếu kém về đủ phương diện: chánh trị, quân sự, khoa học kỹ thuật, kinh tế v.v... Con đường cụ chọn là làm gạch nối giữa người cai trị và người bị trị, dùng phương pháp và phương tiện của người Pháp để mở mang dân trí

người Việt.

Về ngôn ngữ, cụ chẳng những là một thông ngôn tuyệt diệu, mà còn là một bậc thầy khả kính đối những quan lại người Pháp và người Việt, những kẻ có quyền sanh sát trong tay, qua việc dạy học và làm giám đốc các trường Thông ngôn, trường Sư phạm và trường Tham Biện Hậu Bộ. Ảnh hưởng của cụ đối với môn đệ chắc chắn làm vui đi rất nhiều nỗi khổ của dân ta trong những ngày đầu đất nước bị nô lệ.

Về học thuật, văn hóa, cụ viết sách và ra báo. Cụ là người đầu tiên dùng phương tiện in ấn và phương pháp phổ biến chữ nghĩa của Âu Tây để truyền bá kiến thức cho người Việt một cách hữu hiệu.

Sách vở của cụ không đẻo gọt văn chương để ngâm hoa vịnh nguyệt, hoặc kiêu căng hoặc yếm thế như:

*“Vòng trời đất dọc ngang dọc*

*Nợ tang bồng vay trả trả vay”*

Hay:

*Văn như Siêu Quát vô tiền Hán*

*Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường”*

Hay:

*“Thôi công đâu chuột lấy sự đời*

*Tiêu khiển một vài chung lếu láo*

Sách của Cụ hoàn toàn thực dụng. Cụ sưu tầm những cái hay cái đẹp của Âu Tây, của Á Đông và của quê nhà, không phải chỉ trong sách vở bác học mà còn những chuyện dân gian, tổng hợp, chú giải, làm cho nó dễ hiểu, để truyền bá cho cả người Việt lẫn người Tây. Cụ soạn tự điển, viết sách giáo khoa, sách lịch sử, sách địa lý, kể chuyện đời xưa, dịch Tứ Thư, Ngũ kinh v.v...

Cái công to lớn khác của cụ là phát triển chữ Quốc Ngữ. Điều này có thể coi là một cuộc cách mạng vì lúc đó người ta chỉ thích dùng chữ Hán, chữ Nôm, hay chữ Pháp. Gia tài của cụ để lại hiện đang và mãi mãi sẽ được dân tộc Việt Nam trân quý và tạo hứng

khởi cho người đời sau viết được những câu câu văn đầy cảm khái như:” *Trương Vĩnh Ký đã giải phóng chữ quốc ngữ khỏi kiếp a huờn, rửa mặt mày cho nó, và đặt nó ngời nhìn ngang chữ Pháp, khơi dậy một cuộc cách mạng về học vấn trong đồng bào, thế hệ đi sau* (7)

Công nghiệp của cụ còn nhiều, nhiều lắm không cần nhắc lại. Ta chỉ dám ví Cụ với một đóa sen ngát hương, hiên ngang đứng giữa đất trời, “*gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*” để tương xứng với tài ba, phẩm cách và cách hành xử đáng phục của Cụ trong hoàn cảnh đặc biệt tế nhị đó.

Nhưng, những văn nhân trí thức dường như không có duyên với chánh trị. Tài ba như Nguyễn Trãi, lập biết bao công trạng, rớt cuộc cũng không tránh khỏi họa bị tru di tam tộc. Thông thái như Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Hoàng Xuân Hãn, Hồ Hữu Tường... khi dính líu vào chánh trị, sau trước gì cũng đi đến chỗ bại vong. Lý do là vì họ là những bậc minh triết và đạo đức, không chịu a dua theo những kẻ làm càn. Mà trong chánh trị luôn luôn có những kẻ làm càn.

Cụ Petrus Ký cũng không thoát khỏi định lệ này. Có hai lần Cụ dính vào chánh trị:.

*Lần thứ nhất:* Năm Ất Hợi 1876 cụ có chuyến đi Bắc Kỳ. Thư thả lắm, vui lắm và gần như là một chuyến du lịch ngẫu hứng. Là một học giả uyên bác, luôn ham muốn nghe ngóng, quan sát, ghi chép, hướng hồ Miền Bắc là cái nôi của dân tộc. Sau chuyến đi Cụ viết một tập du ký rất dài tựa đề là “*Chuyến Đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi*” xuất bản vào năm 1881. Mở đầu tác phẩm Cụ viết:

“ *Năm Ất Hợi (1876), bãi trường tham biện vừa xong, vùng tính đi ra Bắc một chuyến cho biết. Trong bụng muốn cũng đã lâu; nên xin với quan trên, như dịp chiếc tàu Duchaffaud đi mà đi. Về sắm hòm rương áo quần. Rủ thầy ba Hơn với ông sáu Thìn, nguyên một người ở tỉnh Bắc Ninh, một người ở Sơn Tây mà vào trong Nam Kỳ đã lâu, đi theo trước là có bạn, sau nữa là cho*

*họ về thăm quê quán*”.(8)

Chuyến đi thật tình cờ như một chuyến đi chơi. Rồi trong tác phẩm không thiếu những đoạn văn tả cảnh gặp bạn bè vui vầy thỏa thích:

“*Các quan cầm ở lại đó chơi, ăn Tết rồi hãy lên Hà Nội, khi ấy là mùa đông, trời rét lạnh nên ăn cơm ngon lắm. Mấy bữa ấy, hội các quan lớn nhỏ cả tỉnh đủ mặt; khi ăn uống chuyện văn cả đêm cả ngày. Quan đại lại bày làm rạp hát cho ba bữa luôn, coi hát bội cho no, rồi lại hát nhà trò. Vui vầy với nhau thế ấy cho tới mồng sáu tết, chiều giờ thứ nhứt mới lên vồng lên cồng mà đi đường bộ lên thanh Hà Nội*”(9)

Vốn là một người theo Tây học, làm việc có phương pháp, Cụ tả lại thật đầy đủ và chi tiết các di tích lịch sử, phong cảnh, hình thể, địa lý, phong tục tập quán, khí hậu, thổ sản...cho tới cách tổ chức hành chánh, số nhân khẩu, nền kinh tế và cả chi tiết các thành trì, cao bao nhiêu, rộng bao nhiêu, trong đó có những gì...

“*Thành Hà Nội châu vi 432 trượng, cao 1 trượng, 1 thước, 2 tấc; có 5 cửa, ở tại Thọ Xương, vịnh Thuận hai huyện.....*”

“*Trong nội thành có hành cung chánh điện, 2 tòa có tả vu hữu vu; mặt sau có 3 tòa điện.....*”(12)

Tất cả những điều này Cụ làm theo thói quen của một nhà khảo cứu, nhưng hại thay đó cũng là những điều mà người Pháp rất muốn biết. Năm 1872 Trung tá Hải quân Senez được lệnh nghiên cứu các vấn đề chánh trị và kinh tế ở Bắc Kỳ. Năm sau, 1873 Francis Garnier đánh thành Hà Nội, Nguyễn Tri Phương tuấn tiết. Hòa ước Giáp Tuất (1874) ra đời, Bắc Kỳ tạm yên, ít nhứt là trong thành thị, và Cụ Petrus Ký vui chơi xứ Bắc. Năm 1881 cụ xuất bản cuốn “*Chuyến Đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi*” thì năm sau, 1882 Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ hai, Hoàng Diệu tuấn tiết và sau đó đặt nền bảo hộ lên Bắc Kỳ.

Người ta không biết tập du ký giúp Pháp được điều gì và chuyến đi của Cụ là do tình cờ hay do họ sắp đặt mà Cụ không biết, nhưng sự việc đã xảy ra thì ít nhiều cũng có chuyện nghi ngờ.

*Lân thứ hai:* Năm 1885 triều đình Huế có sự rối loạn, Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi xuất bôn ra Quảng Trị và xuống chiếu cần vương. Đồng Khánh lên thay. Năm 1886 Pháp cử Paul Bert sang làm Tổng Trú Sứ Trung và Bắc Kỳ. Ông này là một nhà trí thức từng làm Tổng trưởng Giáo dục và Viện sĩ Hàn Lâm Khoa Học, có tinh thần nhân bản, công khai nói về chuyện hợp tác giữa hai dân tộc Việt Pháp chứ không phải đồng hóa như trước. Khi sang Pháp năm 1863 trong phái bộ Phan Thanh Giản, cụ Trương có dịp kết bạn với Ông này. Hai người tỏ ra tâm đắc và giữ liên lạc với nhau.

Trên đường đến Huế nhậm chức Paul Bert có ghé ngang qua Saigon và xin Thống Đốc Nam Kỳ tạm thời đặt Cụ Trương dưới quyền sử dụng của mình. Do Paul Bert giới thiệu, ngày 12-4-1886 Cụ Trương được sung chức Cơ mật viện Tham tá và sau đó chuyển qua làm Hàn Lâm viện thị giảng học sĩ. Một sớm một chiều trở thành vị đại thần, làm việc trong cơ quan chóp bu của triều đình, kề cận bên long giá. Lãnh nhiệm vụ có tính cách chánh trị này có lẽ Cụ và Paul Bert muốn thí nghiệm một dự án mới làm lợi cho cho hai bên:

-Đẩy mạnh sự thông cảm giữa hai dân tộc,

-Thực hiện việc canh tân đất nước Việt Nam từ cấp cao nhất

Cụ được tham dự vào bốn việc cụ thể sau đây:

- Tuyển chọn, thay thế, bổ sung một số nhân sự của triều đình,
- Dạy Pháp văn cho vua Đồng Khánh
- Hộ giá nhà vua Bắc tuần để hiểu dụ nghĩa sĩ cần vương.
- Xem xét lại các hòa ước Việt Pháp

đã ký trước đây

Nhưng khi bắt tay vào việc cụ gặp muôn vàn khó khăn:

-Gặp sự đố kỵ, ganh tỵ của những triều thần bảo thủ hay a dua.

-Gặp sự chống đối của phong trào Cần vương

-Gặp sự nghi ngờ của người Pháp vì Cụ đem các điều khoản bất lợi cho Việt Nam ra thảo luận.

Trong một bức thư gửi cho Paul Bert đề ngày 10-5-1886 Cụ viết "*....Tôi bị nhiều người đại dột hoặc hung ác, họ ganh ghét tôi nên tôi không muốn vì đại nhân mà thêm một số người ganh ghét nữa. Vậy tôi muốn về lập tức....*(10)

Thế là sau 6 tháng thí nghiệm thất bại Cụ trút bỏ áo mão cần đai trở về Saigon. Không bao lâu sau đó (11-11-1886) Paul Bert bệnh mất tại Hà Nội, Cụ chán nản lui vào bóng tối, sống đời ẩn sĩ. Trong lá thư đề ngày 8-4-1887 gửi cho bác sĩ Chavannes, một người bạn ở Paris, Cụ viết "*... Sau ngày trở về từ cái trường học tuyệt hảo đó, thu nhận thêm nhiều kinh nghiệm và nhiều kiến thức thật quý báu. Còn về danh vọng thì nó không còn quyến rũ được con sư tử già đã kiệt sức.*

*Một cuộc sống cô đơn với sách vở hiện nay là điều thú vị nhứt đối với người khán giả của dòng đời vào chuỗi ngày xế bóng của mình...*(11)

### ***Cuốn sổ bình sanh công với tội.***

Định công luận tội một người rất khó, vì con người là tổng hợp của đúng và sai, của tốt và xấu, của thành và bại. Những bậc thánh nhân người ta tôn thờ chắc gì không có khuyết điểm. Nhưng khi xét về Cụ Trương chúng ta không gặp khó khăn lắm. Cụ tuy không có cái võ dũng, hào khí ngất trời, nhưng tài về ngôn ngữ và học thuật thì chưa



chắc, cho tới ngày hôm nay, có một người Việt Nam nào sánh bằng (gọi Cụ là nhà bác học rất xứng đáng). Còn về việc cần mẫn làm việc, một đời người ngắn ngủi mà sản xuất được một công trình đồ sộ như vậy, khiến cho ta phải cúi đầu bái phục. (Bạn nào thử viết một quyển sách mỏng thôi, sẽ thấy công phu và khó nhọc biết chừng nào).

Về đức, Cụ cũng hơn hẳn người đời. Con người hầu như ai cũng có tính ham danh lợi. Có người ham đến độ bon chen tranh đoạt, dù phải đánh mất thiên lương. Cụ Perus Ký trái lại, dư điều kiện và cơ hội để có tiền, có quyền, nhưng cụ vẫn sống đời thanh đạm để thực hiện cái chí của mình. (Rất nhiều bản thảo cụ đã viết xong nhưng không có tiền đem in và về già cụ còn mang nợ).

Cụ lại nhã nhặn khiêm cung. Ngoài bài thơ “di bút” trên đây, dường như chưa ai tìm được một bài thơ, bài văn nói về mình, hay phê bình người khác. Hiếm hoi lắm mới thấy một ít câu thơ Cụ bày tỏ chủ trương của mình một cách nhẹ nhàng, chơn chất:

*“Chánh ý bày hay mong đổi tục*

*Đạo hằng giữ trọn ít ai thường “*

Như vậy có thể nói Cụ là người tài đức vẹn toàn, chỉ riêng chữ **trung** có vẻ còn bị sương mờ khói toả. Lĩnh vực này càng khó tranh biện vì quan niệm về chữ trung rất khác biệt nhau cho từng thời đại và từng con người. Quyết liệt như Quang Công khi khôn phò nhị tẩu hay ngu trung như Nhạc Phi, biết là chiếu giả mà vẫn đem đầu về cho Tần Cối chém? Hoặc là dẹp qua cái chữ trung hẹp hòi, lưu lại cái thân hữu dụng để lập nên chiến công vĩ đại như là Hàn Tín?

Nước Việt Nam, những bậc trung thần như Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu để lại những gương sáng muôn đời, nhưng tự tin vào cái tài của mình, dám vượt lên dư luận, quay lưng lại với chế độ cũ mục rữa, mạnh dạn ra giúp Nguyễn Huệ sửa sang nội trị và đối phó với ngoại bang một cách hiệu quả như Trần văn Kỳ và Ngô thì Nhậm cũng đâu phải là dở.

*“Gặp thời thế, thế thời phải thế”*. Cụ đã chịu theo thời thế mà chọn chữ trung. Nước ta vào lúc bị Pháp xâm chiếm quả thật lâm vào cảnh khó khăn thiên nan vạn nan. Bế tắc bao trùm từ triều đình cho đến toàn dân. Đánh cũng thua mà hòa thì có nghĩa là đầu hàng dâng đất cho địch. Nhiều giải pháp đem ra thi hành nhưng đã thất bại.

Cụ viết *“ Quanh quanh quẩn quẩn lối đường quay”* nhưng thật ra riêng Cụ đã vượt ra được bế tắc chung của nhân sĩ đương thời, chọn được con đường hoàn toàn hợp lý. Tạo điều kiện cho hai bên hiểu nhau, thông cảm nhau để cho dân mình bớt khổ, quảng bá tư tưởng học thuật cho dân mình tiếp nhận **để mạnh lên** là công lao đầu đời có người sánh kịp. Hai lần bất như ý vì dính líu với chính trị chỉ là những chấm nhỏ trong bức tranh hoành tráng của đời Cụ. ( Chưa đầy một năm trong suốt 38 năm làm việc).

*“Con sùng chắc lười hoài”* có lẽ là vì Cụ đã tận lực suốt đời mà chưa thấy tình hình thay đổi bao nhiêu, quân Pháp vẫn tàn bạo, vẫn chiếm đóng, dân mình vẫn lạc hậu, vẫn khổ đau. Nhưng việc làm của Cụ không phải là chánh trị mà là văn hóa, nó ảnh hưởng từ từ, đến trăm năm và dài lâu hơn nữa. Đời Cụ chưa thấy, nhưng đời nay đã thấy

Là một học giả uyên thâm, mặc dù là người Công Giáo, Cụ ít nhiều chịu ảnh hưởng của Nho, Phật, Lão, tin vào số mạng và coi đời là cõi tạm phù du nên mới nghĩ rằng có một huyền năng *“Xô đẩy người vô giữa cuộc đời”* và *“Công danh rồi cuộc cái quan tài”*

Năm 1886 có thể để lại một vết đậm trong tâm thức của Cụ, nhưng bài thơ cuối đời làm sau 13 năm, bàng bạc tính bi quan, có lẽ là do cái tình đời. Nhỏ nhen, ích kỷ, ác độc, tham lam...bao giờ cũng vậy. Cụ đã lui vào bóng tối mà những dèm xiểm, đố kỵ có lẽ vẫn đuổi theo. Nhưng cuối cùng Cụ tin mình vẫn đúng, vẫn tin có sự đánh giá công bằng đối với sự nghiệp của mình.

“Công với tội” đối với một người đã mất thì có nghĩa gì, họ đâu có cần. Chỉ có người đời sau đọc sử, thắc mắc, bàn luận, so đo. Đúng sai nào ai biết được, nhưng khi so sánh thì xin hiểu cho rằng: Những nghĩa sĩ lẫm liệt như Trương Công Định, Thủ Khoa Huân ... đã lấy máu của mình viết nên những trang sử oai hùng cho dân tộc thì Petrus Trương Vĩnh Ký cũng đã dùng tài của mình chế ra chiếc xe thực dụng, chở đầy giá trị tinh thần Việt Nam và nhân loại, bình dân và bác học, chuyển tải cho dân ta những kiến thức thật cần thiết để duy trì sự trường tồn của nòi giống, sự độc lập và phát triển của nước nhà. Cả hai việc làm đều có ích lợi, đều đáng được trân quý, đáng được tôn thờ ./

*Tài liệu tham khảo:*

A - Việt Sử Tân Biên quyển V (Việt Nam Kháng Pháp sử), Phạm Văn Sơn

B - Sương Mù Trên Tác Phẩm Trương Vĩnh Ký - Bằng Giang -

C - Đặc San Hội Ái Hữu Petrus Ký Úc Châu 1999.

**Ghi chú :** sdd=sách đã dẫn

(1) Trích diễn văn của ông Nguyễn Văn Cửa, chánh Hội đồng chủ sự việc kỷ niệm Trương Vĩnh Ký (“*Nam Kỳ dựng Tượng Kỷ niệm ông Trương Vĩnh Ký*” - *Nam Phong tạp chí số 123/ tháng 11-1927. Tr 530 -sdd B, trang 220*)

(2) sdd B, trang 105

(3) sdd B trang 192 gọi là “*Tuyệt mệnh thơ*”

(4) Sdd A trang 146

(5) sdd A, trang 61.

(6) sdd A, trang 81

(7) Nguyễn văn Trấn trong bài “*Petrus Trương Vĩnh Ký là nhà giáo Dục học*”(sdd C trang 21)

(8) sdd B, trang 251

(9) sdd B, trang 252

(10) sdd B, trang 188

(11) sdd B, trang 191

(12) Sdd B, trang 270

## Bức Thư Đầu Xuân

Tết đến hai ngày rồi mẹ nhỉ?  
Đầu xuân con biết mẹ đang buồn.  
Ai vui chi được đời tang tóc,  
Sông chứa sầu đau, núi chứa hờn.

Ra đi từ dạo mùa cam chín,  
Đã mấy mùa cam con chữa về.  
Tóc mẹ hoa râm, nay bạc trắng,  
Vô tình trước ngõ trắng hoa lê.

Có những đêm buồn con phát khóc,  
Nhớ xưa tết đến đây mai vàng.  
Tha hương thân bé còn lăn lóc,  
Mỗi độ xuân về mỗi dở dang.

Quê nhà hoang vắng ra sao mẹ?  
Đây phấn son bay ngập phố phường!  
Con vẫn trông chờ sâu cả mắt  
Ngày nào thiên hạ biết yêu thương.

Con viết bức thư này giữa lúc  
Súng vang xa động cánh mai vàng,  
Nhà trọ cô đơn nghe gió giục,  
Bỏ câu giờn nắng mới bay ngang.

Ít bữa mai tàn rơi trước ngõ,  
Nhặt dùm dăm cánh ép cho con.  
Mẹ ơi đợi lúc trời thôi gió,  
Con sẽ quay về để mẹ hôn.

Tạ Ký

## Thơ Chúc Tết

Chén thù, chén tạc đón xuân sang,  
Nguyện chúc vang lên tới Ngọc-Hoàng:  
Khúc-khích câu cười ran ngõ phố,  
Véo-von tiếng hát rộn buồn làng.  
Đốt, nghèo dút tận cùng thôn xóm,  
Phần-thịnh cao vời hết nấc thang.  
Bảo-quyển an-khang, niềng chúc bác,  
Vân-đài quốc-học xếp đầu hàng

Đỗ Quang Vinh